

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2305A;B
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	7.6	7.4	6.0	9.3	7.2	7.7	
2	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	7.6	6.2	4.5	10.0	8.2	7.8	
3	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	7.4	6.8	6.0	9.3	7.2	7.6	
4	2123050044	Lê Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A	7.4	7.6	6.0	5.3	8.2	6.9	
5	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A	7.0	6.0	6.0	9.0	6.2	7.1	
6	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	5.4	5.6	6.5	9.7	7.7	7.5	
7	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	7.2	6.4	7.0	9.7	8.2	8.1	
8	2123050151	Nguyễn Bá	Đạt	29/12/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	2123050072	Vô Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	6.8	6.2	6.5	6.3	8.2	6.9	
10	2123050184	Tô Tiến	Dũng	25/09/2005	CCQ2305A	6.4	6.8	6.0	9.0	8.2	7.7	
11	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A	5.6	8.0	6.5	5.8	7.4	6.6	
12	2123050019	Ngụy Thành	Giàng	01/05/2005	CCQ2305A	7.4	6.6	7.5	9.0	7.2	7.7	
13	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	7.0	6.8	6.0	8.0	8.2	7.5	
14	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A	7.4	7.6	4.0	7.0	8.2	7.1	
15	2123050155	Đinh Long	Hồ	16/07/2005	CCQ2305B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	7.8	7.4	6.5	8.0	8.2	7.7	
17	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	6.8	6.4	6.0	8.7	7.7	7.4	
18	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A	6.8	7.4	6.0	7.0	7.2	6.9	
19	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	7.8	7.6	5.5	9.3	8.5	8.1	
20	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A	8.0	7.8	6.0	7.3	6.7	7.1	
21	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	Huy	15/09/2005	CCQ2305A	8.0	7.2	8.0	9.3	10.0	8.8	
22	2123050079	Phùng Nhất	Huy	30/07/2005	CCQ2305B	7.4	7.0	6.0	7.3	8.2	7.3	
23	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	6.6	6.2	6.0	5.0	8.2	6.5	
24	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A	7.0	6.4	6.5	8.0	9.5	7.8	
25	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	7.4	7.2	6.5	8.7	7.2	7.6	

26	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	6.6	7.0	7.5	7.3	8.2	7.4	
27	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	7.0	6.8	6.0	8.0	8.2	7.5	
28	2123050089	Huỳnh Văn	Lắm	10/10/2005	CCQ2305B	5.0	7.8	6.5	8.7	8.2	7.6	
29	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	5.8	6.6	7.5	7.7	8.4	7.4	
30	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	6.8	6.4	6.5	9.0	8.2	7.7	
31	2123050078	Bùi Đình	Luật	20/10/2002	CCQ2305B	8.0	8.0	5.5	5.3	7.2	6.6	
32	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	7.0	6.2	6.5	7.7	6.7	6.9	
33	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	8.0	7.8	7.0	9.0	8.7	8.3	
34	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B	6.8	6.8	6.0	7.3	8.2	7.2	
35	2123050053	Đinh Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	8.4	8.4	6.0	7.3	7.2	7.4	
36	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	7.0	6.6	6.0	8.7	8.2	7.6	
37	2121130002	Cao Hoài	Nữ	20/07/2003	CCQ2113A	7.6	8.3	7.0	7.7	10.0	8.3	
38	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	6.8	5.2	6.5	9.0	8.2	7.6	
39	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	6.8	6.4	6.5	4.7	8.2	6.5	
40	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	6.6	7.4	7.0	4.3	8.2	6.6	
41	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	2123050033	Phạm Đình	Phúc	23/09/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
43	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	7.8	7.0	6.0	9.3	7.2	7.7	
44	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	8.4	7.6	6.5	9.0	7.9	8.0	
45	2123050028	Nguyễn Minh	Sang	03/06/2005	CCQ2305A	7.8	8.0	6.5	7.0	8.2	7.5	
46	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B	6.0	7.2	6.0	8.3	8.2	7.5	
47	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A	8.0	8.2	6.5	7.0	8.2	7.6	
48	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B	7.0	6.2	6.0	9.0	8.2	7.7	
49	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	7.6	6.4	6.0	7.7	7.2	7.1	
50	2123050040	Võ Chí	Thanh	06/03/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
51	2123050034	Phạm Hoàn	Thiện	19/01/2005	CCQ2305A	7.6	7.0	6.0	9.7	8.2	8.1	
52	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	6.6	5.0	6.5	9.0	8.2	7.5	
53	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	7.0	6.6	6.0	9.3	9.4	8.1	
54	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	6.2	7.2	6.0	9.7	9.0	8.1	
55	2123050185	Nguyễn Chí	Thông	17/08/2002	CCQ2305A	7.0	6.8	6.5	4.0	7.2	6.1	
56	2123050039	Trương Truyền	Thông	14/07/2005	CCQ2305A	7.0	5.8	6.0	9.0	5.2	6.7	
57	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	6.2	7.2	6.0	9.3	8.2	7.8	
58	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B	7.2	7.0	6.0	8.7	7.2	7.4	
59	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	7.4	7.0	6.0	6.7	7.2	6.9	
60	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	6.2	6.2	6.5	9.0	8.2	7.6	
61	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	6.4	6.0	6.0	8.3	6.2	6.8	
62	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	6.4	6.8	6.0	6.7	8.2	7.0	
63	2123050031	Hồ Việt Quốc	Tuấn	27/11/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

64	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	5.4	6.2	6.0	5.3	8.0	6.3	
65	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	7.2	5.4	6.0	7.0	8.2	7.0	
66	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B	6.8	6.0	7.0	9.3	8.2	7.8	
67	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A	7.6	7.6	7.0	9.3	8.2	8.2	
68	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	6.6	6.8	6.0	8.3	8.2	7.5	

Tp. HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2305A;B
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	7.7	7.0	7.3
2	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	7.8	6.0	6.7
3	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	7.6	6.2	6.8
4	2123050044	Lê Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A	6.9	6.4	6.6
5	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A	7.1	6.0	6.4
6	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	7.5	4.6	5.7
7	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	8.1	6.8	7.3
8	2123050151	Nguyễn Bá	Đạt	29/12/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0
9	2123050072	Vô Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	6.9	5.8	6.3
10	2123050184	Tô Tiến	Dũng	25/09/2005	CCQ2305A	7.7	6.0	6.7
11	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A	6.6	6.6	6.6
12	2123050019	Ngụy Thành	Giàng	01/05/2005	CCQ2305A	7.7	6.8	7.2
13	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	7.5	7.0	7.2
14	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A	7.1	7.2	7.1
15	2123050155	Đinh Long	Hồ	16/07/2005	CCQ2305B	0.0	0.0	0.0
16	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	7.7	6.4	6.9
17	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	7.4	5.8	6.5
18	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A	6.9	5.8	6.3
19	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	8.1	6.2	6.9
20	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A	7.1	6.4	6.7
21	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	Huy	15/09/2005	CCQ2305A	8.8	6.4	7.4
22	2123050079	Phùng Nhất	Huy	30/07/2005	CCQ2305B	7.3	6.8	7.0
23	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	6.5	5.4	5.8

24	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A	7.8	5.6	6.5
25	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	7.6	6.2	6.7
26	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	7.4	5.8	6.5
27	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	7.5	6.2	6.7
28	2123050089	Huỳnh Văn	Lắm	10/10/2005	CCQ2305B	7.6	5.0	6.0
29	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	7.4	6.8	7.1
30	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	7.7	6.8	7.2
31	2123050078	Bùi Đình	Luật	20/10/2002	CCQ2305B	6.6	6.8	6.7
32	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	6.9	6.2	6.5
33	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	8.3	6.0	6.9
34	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B	7.2	6.4	6.7
35	2123050053	Đình Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	7.4	7.8	7.6
36	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	7.6	6.2	6.8
37	2121130002	Cao Hoài	Nữ	20/07/2003	CCQ2113A	8.3	5.2	6.5
38	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	7.6	5.2	6.1
39	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	6.5	5.8	6.1
40	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	6.6	7.2	6.9
41	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0
42	2123050033	Phạm Đình	Phúc	23/09/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0
43	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	7.7	7.2	7.4
44	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	8.0	6.6	7.2
45	2123050028	Nguyễn Minh	Sang	03/06/2005	CCQ2305A	7.5	7.4	7.5
46	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B	7.5	5.8	6.5
47	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A	7.6	7.6	7.6
48	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B	7.7	7.4	7.5
49	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	7.1	6.6	6.8
50	2123050040	Võ Chí	Thanh	06/03/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0
51	2123050034	Phạm Hoàn	Thiện	19/01/2005	CCQ2305A	8.1	6.0	6.8
52	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	7.5	4.6	5.8
53	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	8.1	6.4	7.1
54	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	8.1	6.0	6.8
55	2123050185	Nguyễn Chí	Thông	17/08/2002	CCQ2305A	6.1	6.2	6.2
56	2123050039	Trương Truyền	Thống	14/07/2005	CCQ2305A	6.7	5.0	5.7
57	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	7.8	5.8	6.6
58	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B	7.4	7.0	7.2
59	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	6.9	6.8	6.8
60	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	7.6	4.6	5.8
61	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	6.8	5.8	6.2

62	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	7.0	5.4	6.0
63	2123050031	Hồ Viết Quốc	Tuấn	27/11/2005	CCQ2305A	0.0	0.0	0.0
64	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	6.3	7.0	6.7
65	2123050081	Tô Quốc	Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B	7.0	6.4	6.6
66	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B	7.8	6.4	7.0
67	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A	8.2	7.0	7.5
68	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	7.5	6.6	7.0

Tp. HCM, ngày 12 tháng 12 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà